

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	6 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 53

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ngân hàng và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Kiên Long được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 7 năm 2024.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
- Điện thoại : +84 (029) 7386 9950
- Fax : +84 (029) 7387 7538

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật; dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Ngọc Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2024
Ông Bùi Thanh Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Cao Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Kim Minh Tuấn	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2024
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Tuyết Trinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2024
Ông Đào Ngọc Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2024

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Hồng Minh	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2024
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 01 năm 2023
Ông Trần Văn Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2025
Ông Đỗ Văn Bắc	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2025
Bà Vũ Đặng Xuân Vinh	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2024).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động hợp nhất niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Ngọc Minh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 27 tháng 8 năm 2025

Số: 1.1401/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 26 tháng 3 năm 2025 với cùng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

		Đơn vị tính: Triệu VND	
		Thuyết minh	
A - TÀI SẢN		Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.1	769.709	538.410
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.2	6.340.928	4.207.486
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác		10.338.801	15.504.604
1. Tiền gửi tại các TCTD khác	V.3	10.338.801	15.504.604
2. Cho vay các TCTD khác		-	-
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.15	-	-
VI. Cho vay khách hàng		68.416.125	60.451.562
1. Cho vay khách hàng	V.4	69.547.023	61.431.909
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.5	(1.130.898)	(980.347)
VII. Hoạt động mua nợ		-	-
1. Mua nợ		-	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.6	2.971.035	2.973.962
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	V.6	1.298.473	1.298.447
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	V.6	1.672.562	1.675.515
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		-	-
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn		-	-
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
X. Tài sản cố định		1.393.870	1.414.961
1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	615.141	623.092
a. Nguyên giá tài sản cố định	V.7	1.189.582	1.171.451
b. Hao mòn tài sản cố định	V.7	(574.441)	(548.359)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.8	778.729	791.869
a. Nguyên giá tài sản cố định	V.8	934.126	934.126
b. Hao mòn tài sản cố định	V.8	(155.397)	(142.257)
XI. Bất động sản đầu tư		-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII. Tài sản Có khác		7.400.015	7.085.283
1. Các khoản phải thu	V.9	5.402.472	5.290.868
2. Các khoản lãi, phí phải thu	V.10	1.631.269	1.393.393
3. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác	V.11	460.620	500.378
Trong đó: lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	V.12	(94.346)	(99.356)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		97.630.483	92.176.268

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

B - NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-		-	
1. Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		-		-	
2. Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với Kho bạc Nhà nước		-		-	
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.13	10.065.896		15.125.547	
1. Tiền gửi của các TCTD khác	V.13	10.057.614		15.117.285	
2. Vay các TCTD khác	V.13	8.282		8.262	
III. Tiền gửi của khách hàng	V.14	73.173.554		63.521.494	
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	V.15	35.876		112.476	
V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		-		-	
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.16	4.082.122		3.928.457	
VII. Các khoản nợ khác		3.026.892		2.883.342	
1. Các khoản lãi, phí phải trả	V.17	1.153.731		1.002.054	
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-		-	
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.18	1.873.161		1.881.288	
4. Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-		-	
Tổng nợ phải trả		90.384.340		85.571.316	
VIII. Vốn chủ sở hữu	V.19	7.246.143		6.604.952	
1. Vốn của TCTD		3.618.619		3.618.619	
a. Vốn điều lệ	V.19	3.652.819		3.652.819	
b. Vốn đầu tư XD CB, mua sắm tài sản cố định		-		-	
c. Thặng dư vốn cổ phần		-		-	
d. Cổ phiếu quỹ	V.19	(34.200)		(34.200)	
e. Cổ phiếu ưu đãi		-		-	
f. Vốn khác		-		-	
2. Quỹ của TCTD	V.19, 20	751.337		573.838	
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	V.19	(50.326)		-	
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-		-	
5. Lợi nhuận lũy kế	V.19	2.926.513		2.412.495	
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-		-	
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		97.630.483		92.176.268	

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái	VIII.4	13.408.669	19.422.623
Cam kết mua ngoại tệ	VIII.4	52.180	2.126.880
Cam kết bán ngoại tệ	VIII.4	26.090	708.960
Cam kết giao dịch hoán đổi	VIII.4	13.330.399	16.586.783
Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	4.000.000	4.005.233
5. Bảo lãnh khác	VIII.4	2.791.401	4.129.036
6. Các cam kết khác		-	-
7. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	VIII.5	291.718	331.341
8. Nợ khó đòi đã xử lý	VIII.6	2.894.930	2.585.844
9. Tài sản và chứng từ khác	VIII.7	4.252.296	4.288.497

An Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập

Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát

Vũ Động Xuân Vinh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt


Trần Ngọc Minh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGÂN HÀNG TMCP KIẾN LONG

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	3.987.621	3.502.639
2.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	2.254.589	1.970.702
I.	Thu nhập lãi thuần		1.733.032	1.531.937
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.3	349.568	281.892
4.	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	VI.3	41.331	47.944
II.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.3	308.237	233.948
III.	Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	VI.4	41.352	4.992
IV.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
V.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.5	12.749	8.385
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	VI.6	238.925	81.650
6.	Chi phí từ hoạt động khác	VI.6	10.006	5.400
VI.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.6	228.919	76.250
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		-	-
VIII.	Chi phí hoạt động	VI.7	874.890	947.998
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.449.399	907.514
X.	Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro tín dụng	VI.8	528.141	355.967
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế		921.258	551.547
7.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.2	185.114	111.475
8.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	120
XII.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		185.114	111.595
XIII.	Tổng lợi nhuận sau thuế		<u>736.144</u>	<u>439.952</u>
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	<u>2.036</u>	<u>1.217</u>

An Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt


Thị Duyên
Kế toán viên

Vũ Đặng Xuân Vinh
Kế toán trưởngTrần Ngọc Minh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	V.10; VI.1	3.749.745	3.356.358
02. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	V.17; VI.2	(2.102.912)	(2.575.777)
03. Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được	VI.3	308.237	233.948
04. Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	VI.4, 5	54.101	13.377
05. Thu nhập khác		(490)	(3.105)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro			
06. ro	V.6	221.948	78.732
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(836.866)	(794.813)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	VIII.2	(158.471)	(76.538)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		1.235.292	232.182
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09. (Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	V.6	2.927	(150.695)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	V.4	(8.115.114)	(8.037.987)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các			
13. khoản		(377.590)	(190.937)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(48.233)	(488.847)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	-
16. Tăng/(Giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD	V.13	(5.059.651)	2.647.535
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng	V.14	9.652.060	1.488.470
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính)	V.16	153.665	(231.041)
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro		-	-
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	V.15	(76.600)	170.599
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(88.117)	680.874
22. Chi từ các quỹ của TCTD	V.18	-	-
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.721.361)	(3.879.847)

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm tài sản cố định	V.7; V.9	(36.835)	(11.518)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	VI.6	7.460	623
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chỉ đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
09. Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư		(29.375)	(10.895)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.750.736)	(3.890.742)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	VII	20.250.500	25.168.780
VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		(50.326)	(18.333)
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	VII	17.449.438	21.259.705

An Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập


Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát


Vũ Đặng Xuân Vinh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Trần Ngọc Minh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng TMCP Kiên Long, tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 9 năm 1995.
- Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Năm 2006, Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long và được chuyển đổi mô hình hoạt động từ ngân hàng nông thôn sang ngân hàng đô thị.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 24 tháng 7 năm 2024.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật; dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

2. Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng TMCP Kiên Long là ngân hàng thương mại cổ phần.

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 3.652.819 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.652.819 triệu VND).

4. Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Ngân hàng có một (01) hội sở chính, hai (02) văn phòng đại diện, ba mươi một (31) chi nhánh và một trăm lẻ ba (103) phòng giao dịch trên toàn quốc.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Ngân hàng và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Ngân hàng.

Ngân hàng đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long có trụ sở tại tầng 6, Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang. Công ty con này được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 03 tháng 4 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất; quản lý các khoản nợ vay và tài sản bảo đảm nợ vay; thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản vay; mua khoản nợ từ và bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Ngân hàng tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 3.577 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.717 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam (triệu VND) khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngân hàng áp dụng Hệ thống tài khoản các Tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 (Thông tư số 10), Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Thông tư số 49), Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 (Thông tư số 22) và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Thông tư số 27). Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49, Thông tư số 22, Thông tư số 27 và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Báo cáo tài chính đối với các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp trực tiếp.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI NGÂN HÀNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ giữa Ngân hàng và công ty con trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chỉ phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2. Chuyển đổi ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Tập đoàn được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó ("tỷ giá giao ngay") tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Tập đoàn dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Tập đoàn được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

Tỷ giá quy đổi:

Ngoại tệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
AUD	17.060	16.620
CAD	19.059	18.375
CHF	32.653	28.805
EUR	30.593	26.890
GBP	35.795	30.950
JPY	180,5	171,8
KRW	19,2	17,3
NZD	15.844	15.490
SGD	20.458	18.430
THB	800	705
USD	26.090	24.280

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi tại các TCTD khác, cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

4. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi không kỳ hạn; tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng nước ngoài.

Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài được phản ánh theo số dư trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước) và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Thông tư số 31) về quy định phân loại tài sản Có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2024 (Nghị định số 86) quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái.

Ngân hàng thực hiện việc phân loại các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác dựa trên phương pháp định lượng theo các quy định trên. Việc tính dự phòng cụ thể đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng được căn cứ trên tình trạng quá hạn của nợ gốc hoặc lãi với các tỷ lệ trích lập như sau:

• Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	:	0%
• Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	:	5%
• Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	:	20%
• Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	:	50%
• Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	:	100%

Cho vay các tổ chức tín dụng khác

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới một năm.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng của các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng cụ thể tương ứng được thực hiện theo Thông tư số 31 và Nghị định số 86, tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác như được trình bày ở trên.

Theo Thông tư số 31 và Nghị định số 86, Tập đoàn không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác.

5. Cho vay khách hàng và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Tiền vay được ghi nhận khi Tập đoàn và khách hàng ký kết hợp đồng vay, khế ước nhận nợ và Tập đoàn giải ngân cho khách hàng.

Phương thức cho vay đối với tổ chức và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư,....

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hình thức bảo đảm tiền vay chủ yếu là cầm cố, thế chấp tài sản. Ngoài ra, Tập đoàn còn cho vay tín chấp.

Phân loại các khoản cho vay khách hàng

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư số 31 và Nghị định số 86. Tập đoàn cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19 theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 (Thông tư số 01), Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 (Thông tư số 03), Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07 tháng 9 năm 2021 (Thông tư số 14) sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 01, Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 (Thông tư số 02) và Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ngày 18 tháng 6 năm 2024 (Thông tư số 06) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Tập đoàn mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Tập đoàn phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro, ngoại trừ số dư nợ sau khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư số 01, Thông tư số 03, Thông tư số 14, Thông tư số 02 và Thông tư 06 còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại, Tập đoàn không áp dụng nguyên tắc điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của các ngân hàng cho vay hợp vốn.

Tập đoàn sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng (“CIC”) cung cấp để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ hàng tháng. Trường hợp nợ của khách hàng được Tập đoàn phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Tập đoàn phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Dự phòng rủi ro tín dụng các khoản cho vay khách hàng

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ dự phòng áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

• Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	:	0%
• Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	:	5%
• Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	:	20%
• Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	:	50%
• Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	:	100%

Dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày cuối tháng của các khoản cho vay khách hàng, không bao gồm các khoản cho vay khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày cuối tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm. Giá trị và tỷ lệ khấu trừ của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư số 31 và Nghị định số 86. Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là bên có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định tại Điều 135 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ đồng Việt Nam trở lên đối với các khoản nợ của các khách hàng khác phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Ngân hàng. Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó xem như bằng không.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể được trích lập bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư số 14, Thông tư số 02 và Thông tư 06 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng khó khăn.

Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro sau khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay bị phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức, doanh nghiệp), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân). Các khoản nợ được xử lý rủi ro theo quyết định của Hội đồng Xử lý Rủi ro của Ngân hàng sau khi đã xem xét thấy mọi nỗ lực cần thiết để thu hồi khoản nợ, bao gồm cả các hành động pháp lý đều không có kết quả.

Tập đoàn chuyển khoản nợ được sử dụng dự phòng xử lý rủi ro ra hạch toán trên các tài khoản ngoại bảng và tiếp tục theo dõi, có biện pháp để thu hồi nợ đầy đủ theo thỏa thuận đã ký với khách hàng.

Các cam kết ngoại bảng

Các cam kết ngoại bảng bao gồm: các khoản bảo lãnh, cam kết giao dịch hối đoái và cam kết trong nghiệp vụ L/C.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng và được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh trên.

Toàn bộ số dư nợ và giá trị các cam kết ngoại bảng của một khách hàng tại một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được phân loại vào cùng một nhóm nợ. Đối với khách hàng có từ hai khoản nợ và/hoặc cam kết ngoại bảng trở lên tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà có bất cứ một khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng nào bị phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng khác thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phải phân loại lại các khoản nợ hoặc cam kết ngoại bảng còn lại của khách hàng vào nhóm có mức độ rủi ro cao nhất.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng và được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh trên, trừ khi Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng phù hợp theo chính sách kế toán áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh trên.

Theo Thông tư số 11 và Nghị định số 86, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng.

6. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Tập đoàn phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Tập đoàn được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán tại ngày khớp lệnh đối với chứng khoán niêm yết hoặc tại ngày Tập đoàn chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản đầu tư này được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với khoản cho vay khách hàng. Theo quy định hiện hành, Tập đoàn không trích lập dự phòng chung đối với kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu do TCTD khác phát hành.

Các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá đang ghi nhận trên sổ sách kế toán. Tập đoàn không trích lập dự phòng cho trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó, trường hợp chứng khoán đó được bán trước ngày đáo hạn thì giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu chưa phân bổ được ghi nhận toàn bộ vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ tại ngày bán.

Thu nhập lãi sau khi mua chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được dừng ghi nhận khi quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn tại ngày khớp lệnh đối với chứng khoán niêm yết hoặc tại ngày Tập đoàn chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản đầu tư này được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với khoản cho vay khách hàng. Theo quy định hiện hành, Tập đoàn không trích lập dự phòng chung đối với kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu do TCTD khác phát hành.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn này.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá của chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được dừng ghi nhận khi quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận chuyển	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8
Tài sản cố định khác	5 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (36 - 49 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Các tài sản Có khác

Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản, xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản, sửa chữa trụ sở, xây dựng và nâng cấp phần mềm máy vi tính chưa được hoàn thành. Ngân hàng không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và nâng cấp.

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu chờ xử lý là những tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Tập đoàn.

Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng.

Các tài sản Có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Đối với các tài sản Có quá hạn thanh toán, Tập đoàn áp dụng mức trích lập dự phòng căn cứ vào thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoạt động.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và các khoản nợ khác được thể hiện theo giá gốc.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

13. Công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Lãi hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện không được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ mà được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

14. Vốn chủ sở hữu và các quỹ

Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Các quỹ dự trữ

Theo Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các TCTD, Tập đoàn phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	<u>Trích lập hàng năm</u>	<u>Số dư tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Các quỹ này không được quy định bởi pháp luật và được phép phân phối hết.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Tập đoàn. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận trong phần nợ phải trả của Tập đoàn.

15. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tại từng thời điểm, Tập đoàn có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Tập đoàn cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

16. Thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ khi Tập đoàn thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong kỳ không được hạch toán là thu nhập và Tập đoàn thực hiện theo đối ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ khi Tập đoàn thực sự thu được.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,... là số lãi phải thu trong kỳ.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

17. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác. Thu nhập nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thu được.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động được ghi nhận theo giá hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm: tiền gửi và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể; có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp và các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con. Các bên liên kết và các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	748.793	517.848
Tiền mặt bằng ngoại tệ	20.916	20.562
Cộng	769.709	538.410

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi bằng VND	5.809.710	4.202.344
Tiền gửi bằng ngoại tệ	531.218	5.142
Cộng	6.340.928	4.207.486

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phản ánh các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Trong đó, tiền gửi dự trữ bắt buộc được xác định tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với tỷ lệ dự trữ là:

- Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng: 3% đối với VND, 8% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: 1% đối với VND, 6% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi ở nước ngoài: 1% đối với ngoại tệ.

3. Tiền gửi các TCTD khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	1.806.351	3.587.259
<i>Bằng VND</i>	1.585.565	3.059.725
<i>Bằng ngoại tệ</i>	220.786	527.534
Tiền gửi có kỳ hạn	8.532.450	11.917.345
<i>Bằng VND</i>	7.488.850	9.385.345
<i>Bằng ngoại tệ</i>	1.043.600	2.532.000
Cộng	10.338.801	15.504.604

Phân tích chất lượng tiền gửi tại các TCTD khác

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, tất cả các khoản tiền gửi tại các TCTD khác đều được phân loại là Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn.

4. Cho vay khách hàng

Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước.

Phân tích chất lượng nợ vay

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ đủ tiêu chuẩn	67.093.225	59.353.660
Nợ cần chú ý	1.080.875	837.674
Nợ dưới tiêu chuẩn	327.441	231.594
Nợ nghi ngờ	421.352	170.332
Nợ có khả năng mất vốn	624.130	838.649
Cộng	69.547.023	61.431.909

Phân tích dư nợ theo thời gian

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ ngắn hạn	43.647.387	38.555.215
Nợ trung hạn	21.465.613	19.621.779
Nợ dài hạn	4.434.023	3.254.915
Cộng	69.547.023	61.431.909

Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty trách nhiệm hữu hạn	51.025.051	42.429.072
Công ty cổ phần	5.227.972	4.909.251
Hộ kinh doanh, cá nhân	13.294.000	14.093.586
Cộng	69.547.023	61.431.909

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	4.515.309	3.921.624
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	4.398.520	4.712.515
Hoạt động dịch vụ khác	1.539.822	12.418.593
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	4.369	-
Lĩnh vực bất động sản (kinh doanh, tự sử dụng)	11.188.991	9.108.693
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	22.073.730	13.209.112
Xây dựng	23.791.038	17.515.810
Vận tải kho bãi	22.683	11.070
Công nghiệp chế biến, chế tạo	620.915	309.705
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.192.444	121.637
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	32.243	28.722
Thông tin và truyền thông	4.973	3.862
Giáo dục và đào tạo	32.454	30.030
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	4.181	3.628
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	24.379	3.240
Khai khoáng	11.532	8.596
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	37.812	10.196
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	8.710	1.782
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	42.918	13.094
Cộng	69.547.023	61.431.909

5. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng**Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro tín dụng**

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Cộng
Kỳ này			
Số đầu năm nay	(454.450)	(525.897)	(980.347)
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ này	(62.471)	(465.670)	(528.141)
Sử dụng dự phòng trong kỳ này	-	377.590	377.590
Số dư cuối kỳ này	(516.921)	(613.977)	(1.130.898)
Kỳ trước			
Số đầu năm trước	(364.535)	(258.698)	(623.233)
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ trước	(49.422)	(306.545)	(355.967)
Sử dụng dự phòng trong kỳ trước	-	190.937	190.937
Số cuối kỳ trước	(413.957)	(374.306)	(788.263)

Chi tiết số dư dự phòng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng chung	(516.921)	(454.450)
Dự phòng cụ thể	(613.977)	(525.897)
Cộng	(1.130.898)	(980.347)

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chứng khoán đầu tư

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán nợ		
- Trái phiếu chính phủ	1.298.473	1.298.447
Cộng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.298.473	1.298.447
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
- Trái phiếu Chính phủ	1.672.562	1.675.515
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.672.562	1.675.515
Cộng chứng khoán đầu tư	2.971.035	2.973.962

Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn niêm yết bằng VND, có thời hạn từ 10 đến 20 năm, lãi suất từ 2,1%/năm đến 5,9%/năm. Trong đó, một số trái phiếu Chính phủ với tổng mệnh giá 75.000 triệu VND (số đầu năm là 75.000 triệu VND) được Ngân hàng cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tham gia nghiệp vụ thị trường mở, hạn mức bù trừ và hạn mức nợ ròng (xem thuyết minh số IX.5).

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	728.825	83.392	152.027	184.302	22.905	1.171.451
Mua trong kỳ	69	291	-	17.756	117	18.233
Thanh lý, nhượng bán	-	(102)	-	-	-	(102)
Số cuối kỳ	728.894	83.581	152.027	202.058	23.022	1.189.582
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.274	16.235	73.612	101.189	10.429	212.739
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	245.354	53.168	113.898	120.317	15.622	548.359
Khấu hao trong kỳ	13.900	2.970	4.098	4.798	418	26.184
Thanh lý, nhượng bán	-	(102)	-	-	-	(102)
Số cuối kỳ	259.254	56.036	117.996	125.115	16.040	574.441
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	483.471	30.224	38.129	63.985	7.283	623.092
Số cuối kỳ	469.640	27.545	34.031	76.943	6.982	615.141
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	686.287	227.825	20.014	934.126
Số cuối kỳ	686.287	227.825	20.014	934.126
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	77.935	10.363	88.298
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	14.163	109.399	18.695	142.257
Khấu hao trong kỳ	920	11.572	648	13.140
Số cuối kỳ	15.083	120.971	19.343	155.397
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	672.124	118.426	1.319	791.869
Số cuối kỳ	671.204	106.854	671	778.729
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

9. Các khoản phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang ⁽ⁱ⁾	29.747	11.145
Khoản phải thu từ NHNNVN về hỗ trợ lãi suất	3.822	3.943
Ký quỹ thuê văn phòng, thuê tài sản và tạm ứng hợp đồng	50.291	33.683
Phải thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	3.773	3.459
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	14.181	2.273
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	1.749	586
Phải thu từ nghiệp vụ thẻ tín dụng và Banknet	1.163.022	1.098.367
Phải thu từ nghiệp vụ mua hân miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng	4.000.000	4.000.000
Ký quỹ tại các tổ chức thanh toán quốc tế	36.484	35.902
Phải thu khác	99.403	101.510
Cộng	5.402.472	5.290.868

⁽ⁱ⁾ Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cửa	5.733	4.125
Máy móc thiết bị	11.809	7.020
Phần mềm máy vi tính	12.205	-
Cộng	29.747	11.145

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Các khoản lãi, phí phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi phải thu từ tiền gửi	15.848	28.982
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	45.463	22.897
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	1.569.104	1.301.275
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	854	40.239
Cộng	1.631.269	1.393.393

11. Tài sản Có khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chờ phân bổ	318.647	315.602
Vật liệu	11.379	12.438
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng đang chờ xử lý	117.460	117.460
Tài sản Có khác	13.134	54.878
Cộng	460.620	500.378

12. Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng rủi ro tín dụng của tài sản gán nợ	(42.494)	(42.494)
Dự phòng phải thu khó đòi	(51.852)	(56.862)
Cộng	(94.346)	(99.356)

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác như sau

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(99.356)	(29.304)
(Trích lập)/Hoàn nhập dự phòng	5.010	(25.086)
Số cuối kỳ	(94.346)	(54.390)

13. Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi của các TCTD khác	10.057.614	15.117.285
Tiền gửi không kỳ hạn	1.525.014	3.025.715
Bằng VND	1.525.014	3.025.715
Tiền gửi có kỳ hạn	8.532.600	12.091.570
Bằng VND	7.489.000	9.382.330
Bằng ngoại tệ	1.043.600	2.709.240
Vay các TCTD khác	8.282	8.262
Vay các TCTD khác bằng VND	7.601	7.601
Vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	681	661
Cộng	10.065.896	15.125.547

14. Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	5.613.333	4.076.478
Bằng VND	5.600.417	4.068.343
Bằng ngoại tệ	12.916	8.135
Tiền gửi có kỳ hạn	1.646.706	2.043.515
Bằng VND	1.646.706	2.043.515
Tiền gửi tiết kiệm	65.903.641	57.392.005

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	13.959	11.527
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.032	3.662
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	65.845.636	57.335.634
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	40.014	41.182
Tiền gửi ký quỹ	9.874	9.496
Bằng VND	9.874	9.496
Cộng	73.173.554	63.521.494

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	2.419.096	3.484.625
Công ty cổ phần	1.209.140	1.538.298
Công ty trách nhiệm hữu hạn	524.841	868.050
Doanh nghiệp tư nhân	2.502	1.519
Các tổ chức khác	682.613	1.076.758
Tiền gửi của cá nhân	70.754.458	60.036.869
Cộng	73.173.554	63.521.494

15. Các công cụ tài chính phái sinh và nợ tài chính khác

	Tổng giá trị hợp đồng (theo tỷ giá tại ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ)	
		Tài sản	Công nợ
Số cuối năm			
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	2.364.404	-	35.876
Cộng	2.364.404	-	35.876
Số đầu năm			
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	1.944.849	-	106.071
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	246.795	-	6.405
Cộng	2.191.644	-	112.476

16. Phát hành giấy tờ có giá

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND ⁽ⁱ⁾	2.529.616	3.128.457
Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	1.552.506	800.000
Cộng	4.082.122	3.928.457

(i) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 84 tháng, trả lãi định kỳ 6 tháng hoặc cuối kỳ, lãi suất từ 4,7%/năm đến 9,5%/năm.

(ii) Trái phiếu có kỳ hạn 7 năm, trả lãi định kỳ 12 tháng kể từ ngày phát hành, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng tại ngày xác định lãi suất + biên độ 1,6%/năm.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Các khoản lãi, phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi phải trả cho tiền gửi	1.066.305	969.428
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	85.585	32.399
Lãi phải trả cho tiền vay	10	6
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	1.831	221
Cộng	1.153.731	1.002.054

18. Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản phải trả nội bộ	479.896	431.680
Các khoản phải trả cán bộ nhân viên	269.855	266.144
Quỹ khen thưởng và phúc lợi ⁽ⁱ⁾	82.440	45.583
Các khoản phải trả nội bộ khác	127.601	119.953
Các khoản phải trả bên ngoài	1.393.265	1.449.608
Chuyển tiền phải trả	7.884	3.678
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	135.004	117.372
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	8.085	8.806
Phải trả Banknet và các khoản chờ thanh toán khác	1.123.878	1.025.286
Phải trả khác	118.414	294.466
Cộng	1.873.161	1.881.288

(i) Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng và phúc lợi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	45.583	6.415
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	44.627	40.101
Chi quỹ	(7.770)	-
Số cuối kỳ	82.440	46.516

19. Vốn và quỹ của Tập đoàn

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Các quỹ của TCTD	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.652.819	(34.200)	-	487.740	1.651.199	5.757.558
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	439.952	439.952
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(18.333)	-	-	(18.333)
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	86.098	(86.098)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(40.101)	(40.101)
Số dư cuối kỳ trước	3.652.819	(34.200)	(18.333)	573.838	1.964.952	6.139.076
Số dư đầu năm nay	3.652.819	(34.200)	-	573.838	2.412.495	6.604.952
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	736.144	736.144
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(50.326)	-	-	(50.326)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	177.499	(177.499)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận 2024	-	-	-	-	(44.627)	(44.627)
Số dư cuối kỳ này	3.652.819	(34.200)	(50.326)	751.337	2.926.513	7.246.143

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	365.281.878	365.281.878
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	365.281.878	365.281.878
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	365.281.878	365.281.878
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.800.000)	(3.800.000)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(3.800.000)	(3.800.000)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	361.481.878	361.481.878
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	361.481.878	361.481.878
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các quỹ của Tập đoàn

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.271	387.466	3	487.740
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	28.699	57.399	-	86.098
Số dư cuối kỳ trước	128.970	444.865	3	573.838
Số dư đầu năm nay	128.970	444.865	3	573.838
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc trong năm trước từ lợi nhuận sau thuế năm 2024	88.750	88.749		177.499
Số dư cuối kỳ này	217.720	533.614	3	751.337

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi	240.437	157.838
Thu lãi cho vay	3.497.702	3.099.308
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	36.796	77.335
Thu phí từ bảo lãnh	22.822	21.073
Thu khác từ hoạt động tín dụng	189.864	147.085
Cộng	3.987.621	3.502.639

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả lãi tiền gửi	2.008.935	1.609.670
Trả lãi tiền vay	4.747	128.325
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	137.739	112.852
Chi phí khác từ hoạt động tín dụng	103.168	119.855
Cộng	2.254.589	1.970.702

3. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	349.568	281.892
Thu dịch vụ thanh toán	297.224	236.297
Thu dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	313	752
Thu dịch vụ thẩm định tài sản	9.961	7.782
Thu dịch vụ ngân quỹ	137	142
Thu kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	25.552	26.110
Thu dịch vụ khác	16.381	10.809
Chi phí hoạt động dịch vụ	41.331	47.944
Chi dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	16.080	18.972
Chi dịch vụ tư vấn	1.772	150
Cước phí bưu điện về mạng viễn thông	19.429	22.228
Chi dịch vụ khác	4.050	6.594
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	308.237	233.948

4. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu về hoạt động kinh doanh ngoại hối	112.796	177.839
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	105.658	109.411
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	7.138	68.428
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	71.444	172.847
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	9.030	11.884
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	62.414	160.963
Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	41.352	4.992

5. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	12.749	8.786
Chi cho kinh doanh chứng khoán đầu tư	-	401
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	12.749	8.385

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động khác	238.925	81.650
Thu bán tài sản gán nợ	7.460	991
Thu từ hoàn nhập các khoản phải thu	5.010	-
Thu nợ khó đòi đã xử lý bằng dự phòng rủi ro	221.948	78.732
Thu khác	4.507	1.927
Chi phí hoạt động khác	10.006	5.400
Chi phí cho hoạt động công tác xã hội	3.716	4.654
Chi về nghiệp vụ mua bán nợ	4.320	-
Chi phí xử lý nợ, chi phí khác	1.970	746
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	228.919	76.250

7. Chi phí hoạt động

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	9.770	13.338
Chi phí cho nhân viên	562.854	620.571
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	495.319	552.230
Các khoản chi đóng góp theo lương	42.063	36.730
Chi trang phục, ăn ca, y tế, trợ cấp thôi việc	25.472	31.611
Chi về tài sản	134.750	120.529
Trong đó:		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.324	40.446
Chi phí thuê tài sản	60.321	46.094
Chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	20.951	22.643
Chi mua sắm công cụ lao động	13.693	11.152
Chi phí khác	461	194
Chi phí hoạt động quản lý và công vụ	118.825	127.419
Trong đó:		
Chi phí tiếp thị, quảng cáo, vật liệu văn phòng	31.374	24.752
Công tác phí	7.670	7.169
Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan, xăng dầu	20.105	21.406
Chi phí thông tin liên lạc	12.002	18.152
Chi phí đào tạo	1.055	1.388
Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết	37.916	43.845
Chi phí khác	8.703	10.707
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	48.691	41.055
Chi phí dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng	-	25.086
Cộng	874.890	947.998

8. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	62.471	49.422
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	465.670	306.545
Cộng	528.141	355.967

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	736.144	439.952
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	736.144	439.952
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	361.481.878	361.481.878
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.036	1.217

(i) Tập đoàn chưa có kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi kỳ này. Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được điều chỉnh lại sau khi có kế hoạch phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng thông qua.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ này	Số cuối kỳ trước
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	769.709	638.867
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6.340.928	2.843.413
Tiền gửi thanh toán, tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn trong vòng 3 tháng	10.338.801	17.777.425
Cộng	17.449.438	21.259.705

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Tình hình thu nhập của nhân viên

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng nhân viên bình quân (người)	3.672	3.780
Thu nhập của nhân viên		
Tổng quỹ lương	388.845	469.783
Tiền thưởng	114.246	82.447
Tổng thu nhập	503.091	552.230
Tiền lương bình quân/tháng	18	21
Thu nhập bình quân/tháng	23	24

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rach Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT	7.123	16.431	(19.222)	4.332
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.207	185.114	(158.471)	125.850
Các loại thuế khác	11.042	38.740	(44.960)	4.822
Cộng	117.372	240.285	(222.653)	135.004

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ ngân hàng và thanh toán là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các đơn vị trong Tập đoàn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng TMCP Kiên Long	183.925	110.739
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long	1.189	736
Cộng	185.114	111.475

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các khoản thuế, lệ phí khác

Tập đoàn nộp theo các quy định hiện hành.

3. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bất động sản	35.302.356	36.689.741
Máy móc và thiết bị	50.570	52.487
Phương tiện vận tải	573.021	593.681
Cổ phiếu phát hành bởi TCTD khác	75.000	15.709
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức kinh tế	25.379.380	20.219.882
Sổ tiết kiệm	2.267.719	2.555.675
Tài sản khác	79.334.058	109.067.904
Cộng	142.982.104	169.195.079

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo lãnh khác	2.791.401	4.129.036
Giá trị theo hợp đồng	2.801.638	4.131.387
Trừ: Tiền ký quỹ	(10.237)	(2.351)
Cam kết giao dịch hối đoái	13.408.669	19.422.623
Cam kết mua ngoại tệ	52.180	2.126.880
Cam kết bán ngoại tệ	26.090	708.960
Cam kết giao dịch hoán đổi	13.330.399	16.586.783
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	4.000.000	4.005.233
Giá trị theo hợp đồng	4.000.000	4.006.085
Trừ: Tiền ký quỹ	-	(852)

5. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

Lãi cho vay chưa thu được.

6. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.271.196	1.072.357
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.623.734	1.513.487
Cộng	2.894.930	2.585.844

7. Tài sản và chứng từ khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản khác giữ hộ	4.121.704	4.118.432
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	130.592	170.065
Cộng	4.252.296	4.288.497

8. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thuần của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng) trong kỳ này là 21.715 triệu VND (kỳ trước là 22.519 triệu VND).

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thành viên Hội đồng quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	43	17
Thù lao	9.345	8.421
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Chi phí lãi tiền gửi	41	6
Tiền lương và thưởng	9.680	11.452

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thành viên Ban kiểm soát		
Chi phí lãi tiền gửi	4	4
Thù lao	2.690	2.646
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	154	479
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Chi phí lãi tiền gửi	99	219
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát		
Chi phí lãi tiền gửi	26	21
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thành viên Hội đồng quản trị		
Cho vay	36	-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Cho vay	43	89
Thành viên Ban kiểm soát		
Cho vay	50	25
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị		
Cho vay	100	109
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Cho vay	993	28
Cộng nợ phải thu	1.222	251
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền gửi	4.126	4.817
Lãi phải trả	92	21
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền gửi	1.751	1.845
Lãi phải trả	2	1
Thành viên Ban kiểm soát		
Tiền gửi	66	614
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền gửi	34.762	37.237
Lãi phải trả	27	44

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Ban Tổng Giám đốc		
Tiền gửi	6.103	15.690
Lãi phải trả	92	92
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên		
Ban kiểm soát		
Tiền gửi	1.599	1.622
Lãi phải trả	43	22
Cộng nợ phải trả	48.664	62.005

9. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	Tổng dư nợ tiền gửi và cho vay	Tổng tiền gửi và tiền vay	Phát hành giấy tờ có giá	Các cam kết tín dụng	Công cụ tài chính phái sinh	Chứng khoán đầu tư
Số cuối kỳ	86.226.752	83.239.450	4.082.122	6.801.638	2.364.404	2.971.035
Trong nước	86.226.752	83.239.450	4.082.122	6.801.638	2.364.404	2.971.035
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-
Số đầu năm	81.143.999	78.647.041	3.928.457	8.137.472	2.191.644	2.973.962
Trong nước	81.143.999	78.647.041	3.928.457	8.137.472	2.191.644	2.973.962
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-

IX. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổng thể về việc hướng dẫn, giám sát nhận định về rủi ro và đảm bảo duy trì một nền văn hóa quản lý rủi ro và tuân thủ hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trong việc xây dựng các mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tập đoàn, bao gồm việc thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, các hạn mức rủi ro và các quy định về phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro được thực hiện bởi các phòng, ban, trung tâm có liên quan theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng thực hiện công tác quản lý rủi ro hàng ngày tại Ngân hàng dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cùng với các phòng ban khác, trung tâm khai thác, Phòng Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm phát triển hệ thống quản lý rủi ro, các công cụ và phương pháp luận để xác định, đo lường, theo dõi, kiểm soát và đánh giá rủi ro.

Ngoài ra, Phòng Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng chịu trách nhiệm soát xét độc lập việc quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát của Tập đoàn.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Tập đoàn không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Tập đoàn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Để quản lý rủi ro tín dụng Tập đoàn sử dụng các công cụ như: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; xếp hạng tín dụng; quy định về hạn mức tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.

Mức độ tập trung rủi ro của tài sản tài chính có rủi ro tín dụng

Các tài sản tài chính phi phái sinh phân loại theo khu vực địa lý được trình bày tại thuyết minh số X.

Tổng mức tối đa có rủi ro tín dụng chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác.

Bảng dưới đây trình bày mức rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ</i>		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6.340.928	4.207.486
Tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác	10.338.801	15.504.604
Cho vay khách hàng – gộp	69.547.023	61.431.909
Chứng khoán đầu tư – gộp	2.971.035	2.973.962
Các khoản lãi, phí phải thu	1.631.269	1.393.393
Các tài sản tài chính khác – gộp	5.306.504	5.243.181
Cộng	96.135.560	90.754.535
<i>Mức độ rủi ro tín dụng của các tài khoản ngoại bảng</i>		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C – gộp	4.000.000	4.005.233
Bảo lãnh khác – gộp	2.791.401	4.129.036
Cộng	6.791.401	8.134.269

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ đối mặt với khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro thanh khoản là Ban Tổng Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng và các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Tập đoàn đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho Tập đoàn thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng hiểu rõ mọi hoạt động của Tập đoàn.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 30 tháng 6 năm 2025 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn					Cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	769.709	-	-	-	-	769.709
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	6.340.928	-	-	-	-	6.340.928
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	8.777.751	1.561.050	-	-	-	10.338.801
Cho vay khách hàng (*)	1.372.923	1.080.875	2.864.822	9.111.729	33.107.472	18.216.323	3.792.879	69.547.023
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	2.971.035	2.971.035
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	614.632	189	1.460	45.596	731.993	1.393.870
Các tài sản Có khác (*)	58.507	-	1.631.269	5.804.585	-	-	-	7.494.361
Tổng tài sản	1.431.430	1.080.875	20.999.111	16.477.553	33.108.932	18.261.919	7.495.907	98.855.727
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	8.496.414	1.561.200	-	7.601	681	10.065.896
Tiền gửi của khách hàng	-	-	18.941.393	15.940.218	38.064.593	226.533	817	73.173.554
Công cụ tài chính phái sinh và các nợ tài chính khác (*)	-	-	35.876	-	-	-	-	35.876
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	1.928.183	51.400	2.102.539	4.082.122
Các khoản nợ khác	-	-	3.026.892	-	-	-	-	3.026.892
Tổng nợ phải trả	-	-	30.500.575	17.501.418	39.992.776	285.534	2.104.037	90.384.340
Chênh lệch thanh khoản ròng	1.431.430	1.080.875	(9.501.464)	(1.023.865)	(6.883.844)	17.976.385	5.391.870	8.471.387

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn					Cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	538.410	-	-	-	-	538.410
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	4.207.486	-	-	-	-	4.207.486
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	14.997.374	507.230	-	-	-	15.504.604
Cho vay khách hàng (*)	1.240.575	837.674	4.398.566	8.757.328	27.241.286	16.240.335	2.716.145	61.431.909
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	2.973.962	2.973.962
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	603.596	12	4.706	51.943	754.704	1.414.961
Các tài sản Có khác (*)	57.461	-	1.393.393	5.733.785	-	-	-	7.184.639
Tổng tài sản	1.298.036	837.674	26.138.825	14.998.355	27.245.992	16.292.278	6.444.811	93.255.971
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	14.610.205	507.080	-	7.601	661	15.125.547
Tiền gửi của khách hàng	-	-	16.287.174	17.469.228	29.293.802	470.363	927	63.521.494
Các công cụ tài chính phái sinh và các nợ phải trả tài chính khác (*)	-	-	112.476	-	-	-	-	112.476
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	1.881.256	-	2.047.201	3.928.457
Các khoản nợ khác	-	-	2.883.342	-	-	-	-	2.883.342
Tổng nợ phải trả	-	-	33.893.197	17.976.308	31.175.058	477.964	2.048.789	85.571.316
Chênh lệch thanh khoản ròng	1.298.036	837.674	(7.754.372)	(2.977.953)	(3.929.066)	15.814.314	4.396.022	7.684.655

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. **Rủi ro thị trường**

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất và tiền tệ chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung, từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tín dụng, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Tập đoàn đo lường bằng cách phân tích độ nhạy cảm của lãi suất, tức là phân loại trái phiếu và các chứng từ khác về mức độ rủi ro thị trường phân ra theo loại tiền, ngày đến hạn,...

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Tập đoàn đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở hệ thống báo cáo ALCO nhằm phân tích mức chênh lệch tài sản nợ - tài sản có nhạy cảm với lãi suất trong từng khung kỳ hạn, tính toán Duration Gap của tài sản Nợ - tài sản Có, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, cụ thể:

- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này có thể cho phép Tập đoàn có thể linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	769.709	-	-	-	-	-	-	769.709
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	6.340.928	-	-	-	-	-	6.340.928
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	8.777.751	1.561.050	-	-	-	-	10.338.801
Cho vay khách hàng (*)	2.453.798	-	2.864.822	9.111.729	6.721.067	26.386.404	18.216.323	3.792.880	69.547.023
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	-	2.971.035	2.971.035
Tài sản cố định	-	1.393.870	-	-	-	-	-	-	1.393.870
Các tài sản Có khác (*)	58.507	7.435.854	-	-	-	-	-	-	7.494.361
Tổng tài sản	2.512.305	9.599.433	17.983.501	10.672.779	6.721.067	26.386.404	18.216.323	6.763.915	98.855.727
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	8.496.414	1.561.200	-	-	7.601	681	10.065.896
Tiền gửi của khách hàng	-	-	18.941.393	15.940.218	18.743.880	19.320.713	226.533	817	73.173.554
Công cụ tài chính phái sinh và các nợ phải trả tài chính khác (*)	-	-	35.876	-	-	-	-	-	35.876
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	1.928.183	-	51.400	2.102.539	4.082.122
Các khoản nợ khác	-	3.026.892	-	-	-	-	-	-	3.026.892
Tổng nợ phải trả	-	3.026.892	27.473.683	17.501.418	20.672.063	19.320.713	285.534	2.104.037	90.384.340
Mức chênh lệch cam với lãi suất – nội bảng	2.512.305	6.572.541	(9.490.182)	(6.828.639)	(13.950.996)	7.065.691	17.930.789	4.659.878	8.471.387
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	-	(6.791.401)	-	-	-	-	-	-	(6.791.401)
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	2.512.305	(218.860)	(9.490.182)	(6.828.639)	(13.950.996)	7.065.691	17.930.789	4.659.878	1.679.986

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	538.410	-	-	-	-	-	-	538.410
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	4.207.486	-	-	-	-	-	4.207.486
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	14.997.374	507.230	-	-	-	-	15.504.604
Cho vay khách hàng (*)	2.078.249	-	4.398.566	8.757.328	9.354.532	17.886.754	16.240.335	2.716.145	61.431.909
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-	-	2.973.962	2.973.962
Tài sản cố định	-	1.414.961	-	-	-	-	-	-	1.414.961
Các tài sản Có khác (*)	57.461	7.127.178	-	-	-	-	-	-	7.184.639
Tổng tài sản	2.135.710	9.080.549	23.603.426	9.264.558	9.354.532	17.886.754	16.240.335	5.690.107	93.255.971
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay NHNN và các TCTD khác	-	-	14.610.205	507.080	-	-	7.601	661	15.125.547
Tiền gửi của khách hàng	-	-	15.809.468	17.946.934	19.324.417	9.969.385	470.363	927	63.521.494
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác (*)	-	-	112.476	-	-	-	-	-	112.476
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	1.881.256	-	2.047.201	3.928.457
Các khoản nợ khác	-	2.883.342	-	-	-	-	-	-	2.883.342
Tổng nợ phải trả	-	2.883.342	30.532.149	18.454.014	19.324.417	11.850.641	477.964	2.048.789	85.571.316
Mức chênh lệch cam với lãi suất – nội bảng	2.135.710	6.197.207	(6.928.723)	(9.189.456)	(9.969.885)	6.036.113	15.762.371	3.641.318	7.684.655
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	-	(8.134.269)	-	-	-	-	-	-	(8.134.269)
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	2.135.710	(1.937.062)	(6.928.723)	(9.189.456)	(9.969.885)	6.036.113	15.762.371	3.641.318	(449.614)

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Tập đoàn được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các ngoại tệ khác.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro tiền tệ là đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Tập đoàn sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra, Tập đoàn còn sử dụng các công cụ khác như: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Tập đoàn đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thiết lập và quản lý hạn mức trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	19.073	1.684	159	20.916
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	531.219	-	-	531.219
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	1.250.185	2.966	11.235	1.264.386
Cho vay khách hàng (*)	61.264	-	-	61.264
Tổng tài sản	1.861.741	4.650	11.394	1.877.785
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	1.044.281	-	-	1.044.281
Tiền gửi của khách hàng	56.313	605	44	56.962
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	2.400.280	-	-	2.400.280
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	3.500.874	605	44	3.501.523
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(1.639.133)	4.045	11.350	(1.623.738)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(1.639.133)	4.045	11.350	(1.623.738)

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	19.063	1.409	90	20.562
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5.142	-	-	5.142
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	3.049.861	2.188	7.485	3.059.534
Cho vay khách hàng (*)	164.405	-	-	164.405
Tổng tài sản	3.238.471	3.597	7.575	3.249.643
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	2.709.901	-	-	2.709.901
Tiền gửi của khách hàng	52.332	536	111	52.979
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác (*)	(2.304.120)	-	-	(2.304.120)
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	458.113	536	111	458.760
Trạng thái tiền tệ nội bảng	2.780.358	3.061	7.464	2.790.883
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	2.780.358	3.061	7.464	2.790.883

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đang thế chấp các giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với giá trị 75.000 triệu VND (số đầu năm là 75.000 triệu VND) (xem thuyết minh số V.8).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Chi tiết tài sản nhận thế chấp được trình bày tại thuyết minh số VIII.3. Tập đoàn chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

6. Tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	769.709	-	538.410	-
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6.340.928	-	4.207.486	-
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	10.338.801	-	15.504.604	-
Cho vay khách hàng	69.547.023	(1.130.898)	61.431.909	(980.347)
Chứng khoán đầu tư	2.971.035	-	2.973.962	-
Các khoản lãi, phí phải thu	1.631.269	-	1.393.393	-
Các tài sản Có khác	5.863.092	(94.346)	5.791.246	(99.356)
Cộng	97.461.857	(1.225.244)	91.841.010	(1.079.703)

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi và vay các TCTD khác	10.065.896	15.125.547
Tiền gửi của khách hàng	73.173.554	63.521.494
Phát hành giấy tờ có giá	4.082.122	3.928.457
Công cụ tài chính phải sinh và các tài sản nợ khác	35.876	112.476
Các khoản lãi, phí phải trả	1.153.731	1.002.054
Các khoản nợ khác	1.258.261	1.332.235
Cộng	89.769.440	85.022.263

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán của các TCTD Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

X. BÁO CÁO BỘ PHẬN

1. Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin về kết quả hoạt động của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
I. Thu nhập	614.004	622.235	614.838	469.192	3.716.629	3.100.573	(243.812)	(139.194)	4.701.659	4.052.806
1. Thu nhập lãi	530.269	505.843	575.504	435.215	3.125.660	2.700.775	(243.812)	(139.194)	3.987.621	3.502.639
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24.723	105.234	18.781	16.726	306.064	159.932	-	-	349.568	281.892
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	59.012	11.158	20.553	17.251	284.905	239.866	-	-	364.470	268.275
II. Chi phí	269.825	347.335	501.977	408.268	2.724.270	2.528.883	(243.812)	(139.194)	3.252.260	3.145.292
1. Chi phí lãi	197.556	282.738	398.334	311.405	1.902.511	1.515.753	(243.812)	(139.194)	2.254.589	1.970.702
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	524	389	3.572	3.700	35.228	36.357	-	-	39.324	40.446
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	71.745	64.208	100.071	93.163	786.531	976.773	-	-	958.347	1.134.144
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	344.179	274.900	112.861	60.924	992.359	571.690	-	-	1.449.399	907.514
Chi phí dự phòng rủi ro	9.819	37.494	46.961	36.432	471.361	282.041	-	-	528.141	355.967
Kết quả kinh doanh bộ phận	334.360	237.406	65.900	24.492	520.998	289.649	-	-	921.258	551.547

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tài sản	17.716.810	8.401.477	8.074.946	7.647.444	71.838.727	76.127.347	-	-	97.630.483	92.176.268
1. Tiền mặt	35.285	35.016	142.086	83.790	592.338	419.604	-	-	769.709	538.410
2. Tài sản cố định	4.593	5.076	231.890	233.737	1.157.387	1.176.148	-	-	1.393.870	1.414.961
3. Tài sản khác	17.676.932	8.361.385	7.700.970	7.329.917	70.089.002	74.531.595	-	-	95.466.904	90.222.897
II. Nợ phải trả	9.721.563	8.000.740	15.301.686	13.262.876	65.361.091	64.307.700	-	-	90.384.340	85.571.316
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	9.716.479	7.997.982	15.299.052	13.261.199	63.495.648	62.430.847	-	-	88.511.179	83.690.028
2. Nợ phải trả khác	5.084	2.758	2.634	1.677	1.865.443	1.876.853	-	-	1.873.161	1.881.288

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận thứ yếu

Tập đoàn có 2 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: ngân hàng và quản lý nợ và khai thác tài sản.

Kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ	Cộng
Kỳ này				
Thu nhập	4.696.474	30.237	(25.052)	4.701.659
Chi phí	3.736.809	24.175	(19.907)	3.741.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.206	118	-	39.324
Lợi nhuận trước thuế	920.459	5.944	(5.145)	921.258
Kỳ trước				
Thu nhập	4.048.632	28.616	(24.442)	4.052.806
Chi phí	3.456.673	24.216	(20.076)	3.460.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.330	116	-	40.446
Lợi nhuận trước thuế	551.629	4.284	(4.366)	551.547

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản bộ phận	97.947.141	536.676	(853.334)	97.630.483
Nợ phải trả bộ phận	90.730.708	6.966	(353.334)	90.384.340
Số đầu năm				
Tài sản bộ phận	92.492.307	532.963	(849.002)	92.176.268
Nợ phải trả bộ phận	85.916.426	3.892	(349.002)	85.571.316

XI. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	96.900	97.105
Trong vòng 2 đến 5 năm	163.514	165.407
Trên 5 năm	11.484	11.019
Cộng	271.898	273.531

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

XII. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 15 tháng 7 năm 2025 Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ đã thông qua một số vấn đề trong đó có phương án tăng vốn điều lệ từ 3.652.818 triệu VND lên 5.821.710 triệu VND bằng việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

An Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2025

Người lập

Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát

Vũ Động Xuân Vinh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Minh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

